

CỔ VẬT VIỆT NAM

TÌM HIỂU CỔ VẬT ÑÔNG BẢNG CỬ LONG (Tiếp theo)

Phạm Hy Tùng Bách*

LTS: Nền văn hóa Óc Eo gắn liền với lịch sử phát triển vùng đồng bằng châu thổ hạ lưu sông Mêkông vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Những di tích của nền văn hóa này được biết đến từ sau cuộc khai quật của nhà khảo cổ học người Pháp L. Malleret vào năm 1944 tại cánh đồng Óc Eo (xã Vọng Thê, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang). Từ đó đến nay, nền văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam được nhiều học giả trong lẫn ngoài nước quan tâm nghiên cứu, tuy vậy vẫn còn nhiều vấn đề tranh cãi, nhiều luận điểm trái chiều chưa ngã ngũ. Để góp thêm một cách nhìn, từ số 2 (67). 2008, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* khởi đăng loạt bài của tác giả Phạm Hy Tùng Bách, dưới tiêu đề chung “*Tìm hiểu cổ vật đồng bằng Cửu Long*”.

**PHẦN II: MỘT SỐ LOẠI TIỀN CỔ TÌM THẤY
Ở ĐỒNG BẢNG CỬ LONG**

Bài 4: VỀ MỘT LOẠI “TIỀN PHÙ NAM” VÀ MỆNH GIÁ CỦA NÓ

Qua phần I, chúng ta đã nhận ra 3 loại hình đặc biệt nhất của gốm cổ Óc Eo: những Linga làm bằng gốm thô để treo lên cành cây hay những vôi dài cong, “*vôi có nhẵn*” của ấm gốm mịn là *ngẫu tượng Linga* phục vụ cho tín ngưỡng phồn thực cầu sinh sôi nảy nở, và vật linh của thần Vishnu (cũng gốm mịn) để xua tà đuổi ma do cư dân đồng bằng Cửu Long làm ra vào những năm đầu Công nguyên cũng chính là hiểu thêm đôi chút hình thái xã hội vùng đất này là vào thời điểm kể trên, tâm thức của cư dân vừa là tâm linh thánh thiện đồng thời cũng có cả khuynh hướng phóng dục trần thế.

K. Marx - người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đã tổng kết rằng, các giá trị văn hóa trong các xã hội thời kỳ tiền tư bản thường mang sắc thái tôn giáo. Chẳng những vậy, khi nói về đạo Hindu (Ấn Độ giáo), ông đã nhận xét tôn giáo này “*vừa khắc kỷ vừa tưng dục, vừa là tôn giáo của thầy tu vừa là tôn giáo của các vũ nữ...*”⁽¹⁾

Còn nếu muốn hiểu rõ hơn hình thái kinh tế của vùng đất vốn được coi là cửa ngõ giao thương quan trọng bậc nhất chẳng những của địa bàn này mà còn là của chung của cả *đế chế Phù Nam* (theo cách nói của GS Phan Huy Lê) thì phương cách thuận lợi nhất có lẽ là khảo sát các loại tiền xưa kia đã từng có mặt tại nơi đây. Rất có thể rằng, nếu thu được kết quả nào đó sẽ mang lại hiệu ứng khiến cho bức tranh về xã hội rõ nét thêm phần nào.

* Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Một loại “tiền Phù Nam” bằng hợp kim bạc

Trong các tác phẩm của các GS Lương Ninh, Lê Xuân Diệm và các TS Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn đều thấy nhắc đến một loại “*tiền bằng bạc*” có đường kính 30mm hay nhỏ hơn chút ít do L. Malleret khai quật được ở Nền Chùa (Kiên Giang), Đá Nổi (An Giang), Gò Hàng (Long An). Tuy nhiên về số lượng đưa ra thì không nhất quán, có tài liệu nói là 15 đồng tiền còn nguyên và mảnh cắt của nó, có tài liệu đưa ra con số 12. Song các tác giả đều thống nhất tên gọi loại tiền này là “*tiền Phù Nam*” bằng bạc, các mảnh cắt từ loại tiền này khác nhau, có mảnh bằng 1/2 đồng tiền, có mảnh bằng 1/4 hay 1/8 và cho rằng người xưa cắt như vậy để làm “*tiền lẻ*”. Riêng GS Lương Ninh cho biết vào năm 1990 người ta còn tìm thấy loại tiền này ở miền nam Thái Lan (4 đồng) và Myanmar (4 đồng).

Thông tin về loại cổ vật này chỉ có như vậy.

Song trên thực tế chỉ riêng vài người sưu tập ở TP Hồ Chí Minh đã mua được loại tiền này nhiều hơn so với tổng số lượng nói trên, ngoài ra là một số loại tiền khác, rất có thể là độc bản. Chính vì thế có lẽ trước tiên cần phải minh định rằng, đã gọi là “*tiền Phù Nam*” tức là ám chỉ đến loại tiền được dùng để trao đổi hàng hóa một cách phổ biến tại nơi đây để phân biệt với lẻ tẻ một số loại tiền của quốc gia nào đó xưa kia do thương nhân “đánh rơi” khi họ đến Phù Nam giao thương để rồi đến nay phát lộ qua các cuộc tìm kiếm, khai quật... Như vậy rõ ràng là phải tìm lời giải cho hai câu hỏi: có hay không loại tiền do dân cư Phù Nam tự “án hành” và (biết đâu) có hay không loại do nơi xa xôi nào đó làm ra theo yêu cầu của Phù Nam để cư dân nơi này sử dụng làm “*vật trao đổi ngang giá*” theo định nghĩa về “*tiền*”.

Ảnh 1a là mặt trước, ảnh 1b là mặt sau đồng tiền (mà các nhà nghiên cứu nói trên đề cập) có đường kính D=30mm.



Ảnh 1a: Mặt trước đồng tiền Phù Nam bằng hợp kim bạc



Ảnh 1b: Mặt sau đồng tiền Phù Nam bằng hợp kim bạc

Hiện nay ít nhất có 3 người ở TP. Hồ Chí Minh sưu tập loại tiền này theo bảng kê dưới đây.

Tên	Đồng tiền nguyên vẹn	Mảnh 1/2 (cả trên và dưới)	Mảnh 1/4	Mảnh 1/8
Ông L.Q.L	4	3	1	5
Ông T.V.T	5	4	7	2
Tác giả bài viết	2	6	4	11
Tổng cộng	11	13	12	18

(Xin chú ý: các đồng nguyên vẹn và mảnh lẻ trong bảng liệt kê này đều không đồng kích thước với nhau, nhưng về hoa văn thì giống hệt đồng tiền của nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Phương và 2 đồng tiền do L. Malleret khai quật năm 1944 hiện lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh, mang các mã số đăng ký 1882, 1884).

a. Chất liệu và hoa văn

Viện sĩ X.I. Venetxki - nhà kim loại học nổi tiếng người Nga, cho biết “...Nghề mạ bạc đã hiến dâng trọn đời mình là nghề làm thước đo giá trị, nghĩa là tiền... năm 269 trước Công nguyên ở La Mã cổ đại người ta đã đúc những đồng tiền bằng bạc, đồng Denarius...”⁽²⁾. Có lẽ “đồng tiền bằng bạc” là cách nói gọn vì bạc nguyên chất tính dẻo cao, là kim loại quý nên để bảo đảm độ bền và tiết kiệm người ta thường đúc bằng hợp kim bạc, trong đó bạc (Ag) là nguyên tố chủ yếu. Những đồng tiền kể trên cũng được làm bằng hợp kim bạc nên độ cứng cao hơn bạc nỏn thường thấy.

Một tài liệu mới nhất đăng tải ảnh và bài viết về loại tiền này, tác giả là nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Phương mô tả như sau: “... Phía trước dập hình mặt trời mọc lên từ biển với 12 tia sáng, 6 chiếu lên trời, 6 chiếu xuống đất hay chiếu lên trên mặt biển. Phía sau dập hình ngôi đền thờ hay mũi thuyền, trên đầu chiếu sáng bởi trăng và sao. Từ sau thế kỷ I người Ấn không được La Mã trao đổi nguồn vàng cho việc đúc tiền, nhờ đó đồng bạc Phù Nam đã sớm khẳng định vị trí trên các thương trường thuộc vùng ảnh hưởng...”⁽³⁾. Như vậy là một cách gián tiếp, tác giả đã xác định niên đại của loại tiền này ở vào thế kỷ II và được làm ra tại Phù Nam. Ngoài ra nếu hoa văn ở mặt trước (ảnh 1a) biểu thị mặt trời “...mọc lên từ biển... phía sau dập hình... mũi thuyền, trên đầu chiếu sáng bởi trăng và sao” sẽ khiến ta liên tưởng ngay đến thị cảng Óc Eo vì nó nằm ở phía đông của Phù Nam nên luôn có mặt trời “mọc lên từ biển”, thuyền bè tập nập ra vào nên hình “mũi thuyền” ắt là khắc họa cảnh quan nơi này.

Song có lẽ không phải vậy. Đành rằng ở “đầu mũi thuyền” có trăng và sao tạo bởi hoa văn nổi nhưng còn hai chi tiết quan trọng nữa: bên phải mạn thuyền là hoa văn nổi bắt chéo nhau (ảnh 2) bên trái rõ ràng là hoa văn chữ Vạn (ảnh 3). Nhà nghiên cứu tôn giáo John Renard cho biết: “...Tên gọi chữ “Vạn” (dấu thập ngoặc [sawstika]) phát xuất từ tiếng Phạn, có nghĩa là “tất cả đều tốt lành”. Đây là biểu tượng của sự thịnh vượng và vận may. Biểu tượng có thể có nguồn gốc từ bánh xe bốn nan hoa, kết nối với khúc củi vát

chéo trong lễ hiến tế Veda cổ... mặc dù thần Shiva đặc biệt liên kết với biểu tượng mặt trăng, song chữ “Vạn” cũng đã trở nên phổ biến trong các biểu tượng của phái Shavite (tức giáo phái Shiva - PHTB)... chữ “Vạn” có thể quay sang trái, sang phải. Phụ nữ gắn chữ “Vạn” quay sang trái đại để được xem là gặp bất hạnh. Đức quốc xã thừa nhận chữ “Vạn” quay sang phải do họ kết hợp với sắc tộc Aryan, gắn với kỳ vọng hướng tới việc thuần chủng hóa dân tộc cổ xưa. Tín đồ Ấn giáo và Phật giáo tiếp tục sử dụng biểu tượng này trong nhiều lĩnh vực...”⁽⁴⁾



Ảnh 2: Hai đường nổi bất chéo ở mặt sau đồng tiền (rìa phải)



Ảnh 3: Hoa văn chữ Vạn ở mặt sau đồng tiền (rìa trái)

Tóm lại, từ chỉ dẫn này ta thấy mặt sau đồng tiền có sao, có trăng tròn (phía trên), trăng khuyết (phía dưới), có chữ “Vạn” với 4 nan hoa, có cả khúc củi bất chéo trong lễ hiến tế Veda cổ, đối xứng hai bên còn có đường cong ôm lấy chữ “Vạn” và hoa văn bất chéo mà có người gọi là “cửa võng”, vì thế có lẽ tập hợp các hoa văn này biểu thị ngôi đền Hindu giáo chứ không phải chùa thờ Phật, càng không phải là “mũi thuyền”.

Về mặt trước của đồng tiền (ảnh 1a) đúng là nửa mặt trời mọc lên với 6 tia sáng chiếu lên bầu trời nhưng có thêm đường nổi nằm ngang phân chia đồng tiền thành hai phần trên, dưới bằng nhau. Liệu đường ngang ấy có biểu thị chân trời không?

Ảnh 4 chụp hai nửa đồng tiền đã cắt rời phần trên và dưới. Ảnh 5 là một mảnh 1/4 và hai mảnh 1/8. Xem xét kỹ 43 mảnh tiền người xưa cắt sẵn trong danh mục kể trên có thể thấy *tất cả các mảnh 1/4 và 1/8 đều được cắt từ nửa phần dưới của đồng tiền mà ra* (nhấn mạnh, xác suất 100%-PHTB). Do đó, có thể dự đoán: Cổ nhân cố ý giữ lại phần nửa trên đồng tiền, chỉ cắt làm tiền lẻ 1/4 và 1/8 từ nửa dưới mà thôi. Như vậy đồng nghĩa với việc 6 tia sáng ở nửa dưới không biểu thị “chiếu lên trên mặt biển” và đường ngang phân đôi đồng tiền chỉ là ranh giới để cắt đôi nửa trên, nửa dưới chứ không biểu thị chân trời. Phải chăng người xưa tạo thêm 6 tia phía dưới chẳng qua để cân đối hài

hòa so với bức tranh phía trên và chủ ý giữ lại (dù là nửa) khuôn hình mặt trời trên bầu trời vì tín đồ Hindu giáo vốn coi mặt trời (thần Surya cai quản ngày Chủ nhật) và bầu trời (thần Varuna duy trì trật tự vận hành vũ trụ) là linh thiêng? Nếu đúng vậy thì nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Phương gọi mặt đồng tiền có mặt trời là “mặt trước” là chuẩn xác.



Ảnh 4: Nửa trên và nửa dưới đồng tiền được cắt sẵn (trái)

Ảnh 5: Các mảnh 1/4 và 1/8 đồng tiền cắt sẵn từ nửa dưới (phải)

b. Quy trình chế tạo

Dùng kính phóng đại khảo sát kỹ tất cả các hiện vật trong danh mục có thể đưa ra mấy nhận xét sau:

- Đường kính của các đồng tiền dao động từ 26mm đến 30mm.
- Độ dày phần giữa các đồng tiền (2mm - 3mm) luôn lớn hơn rìa đồng tiền.
- Mép của đường tròn (tiền nguyên vẹn) và mép cung tròn (mảnh cắt) dày mỏng khác nhau ngay cả trên cùng một đồng hay mảnh và thường bị khuyết lẹm chút ít nhưng không phải do bị bào mòn cơ học hay phong hóa.
- Bề mặt các đồng tiền, mảnh tiền không mịn.
- Gờ nổi trên mặt vài hiện vật bị rạn vỡ, lộ ra những hạt bụi đen. Dọc vết cắt ở vài mảnh tiền có khe hở rất hẹp cũng chứa bụi đen hạt nhỏ li ti.

Những chi tiết tửm mủn nói trên dẫn đến mỗi hoài nghi rằng, loại tiền thô thiển này không phải do cán, dập mà ra. Và rất có thể người xưa đã đúc, đúc riêng từng mặt rồi “dán” chúng lại với nhau. Nhưng “dán” bằng cách nào? Câu trả lời đó là sử dụng kỹ thuật “*cháy nối*” - nghĩa là ép chặt hai mảnh kim loại (hợp kim) đồng chất với nhau, sau đó nâng nhiệt độ của chúng lên cao tới nhiệt độ nóng chảy sẽ tạo được sự liên lạc. Còn hai chi tiết nửa làm tăng cao sự ngờ vực nói trên là vì quan sát bề mặt các đồng tiền sẽ thấy đỉnh “mũi thuyền” ở mặt sau không bao giờ trùng với đỉnh mặt trời ở mặt trước đồng tiền, chúng luôn so le nhau, mức độ so le ở mỗi đồng tiền mỗi khác. Thêm nữa, như đã nói, mép của nhiều đồng tiền có chỗ rất mỏng

và khuyết lẹm không do bào mòn cơ học hay do phong hóa thì chỉ có thể do bị “quá lửa” trong công đoạn *cháy nối* mà ra.

Tóm lại, tuy việc cháy nối đồng tiền Phù Nam này còn ở dạng tồn nghi nhưng cũng xin mạnh dạn đưa ra dự đoán về quy trình chế tạo loại tiền này là: Đào đãi nguyên liệu - Luyện kim và làm khuôn - Đúc rời thành 2 phiôi riêng biệt - cháy nối để lắp ghép - Để nguyên và cắt rời thành phẩm.

2. Mệnh giá và nơi “ấn hành”

a. Mệnh giá

Mọi đồng tiền lưu hành trên thế giới đều có những quy định riêng về mệnh giá và đơn vị tiền tệ, bản vị bảo đảm. Nói chung để thuận tiện trao đổi người ta thường ghi ký hiệu hay chữ số để nhận ra mệnh giá. Đại đa số các nước trên thế giới quy định mệnh giá của tiền phát hành ra là các số 1, 2, 5, 10, 20, 50, 100 v.v... cá biệt có quốc gia quy định mệnh giá là số 15, 75. Nhưng có lẽ đồng tiền Phù Nam kể trên đặc biệt hơn cả.

Nhiều tài liệu cho biết Ấn Độ phát minh ra số 0 và trở thành thủy tổ của môn số học. Từ thời cổ đại, người Ấn đã phát minh ra các *ký hiệu* (nhấn mạnh - PHTB) để chỉ các số đếm từ 1 đến 10. Sau này người Ả Rập cải tiến hầu hết các *ký hiệu* ấy thành các *chữ số* ngày nay đang dùng là 4, 5, 6, 7, 8, 9 và chỉ để lại các *ký hiệu* nguyên thủy của người Ấn là 2, 3, 0. Nói cách khác, các *chữ số* 2, 3, 0 hiện tại đang sử dụng chính là *nguyên bản ký hiệu* được văn minh sông Hằng khai sinh ra còn tồn tại đến ngày nay. Sở dĩ gần hết thế giới chấp nhận mệnh giá tiền như đã nói (1, 2, 5, 10) chính là vì nó thỏa mãn được mọi giá trị sẽ xảy ra khi cần trao đổi lấy vật ngang giá: Cần 3 thì 1+2, cần 4 thì sẵn 1+1+1+1 hoặc 2+1+1 hay 2+2, cần 12 thì lấy 10+2 không cần đến mệnh giá số 6 v.v... Như đã nói, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã chỉ ra loại tiền Phù Nam đang bàn được cắt lẻ 1/2, 1/4, 1/8 như thế có nghĩa là:

- Một đồng tiền nguyên vẹn có giá trị bằng hai mảnh tiền 1/2.
- Hoặc có giá trị bằng bốn mảnh 1/4.
- Hay có giá trị bằng tám mảnh 1/8.

Tạm gọi đơn vị tiền tệ của loại tiền này là “tiền” và mảnh 1/8 có mệnh giá là 1 tiền, như vậy tức là người Phù Nam xưa đã sử dụng loại tiền với bốn mệnh giá khác nhau 1, 2, 4, 8 là quá đủ để thỏa mãn mọi giá trị cần trao đổi. Thật là độc đáo, giản đơn và chặt chẽ và phàm là giản đơn mà chặt chẽ thì hẳn nhiên tính khoa học cao. Văn minh cổ nhiều khi vượt qua thời đương đại và đã có ví dụ điển hình về vấn đề này, đó là sau chính sách “giá, lương, tiền” năm 1985, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ấn hành thêm cả loại tiền 30 ngàn đồng nhưng bị dư luận phản ứng nên lập tức phải đình chỉ việc phát hành.

b. Nơi “ấn hành”

Nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Phương kể lại: “...Tháng 8 năm 1990, khi những hang sâu được đào đến tận đáy moong khai thác nơi núi Trà Sư thì

đoàn khảo sát nhận ra các khối quặng bạc khá giàu... Có khối đã bị đập nhỏ chày xém, có khối được tách riêng để lấy chì. Thực ra chúng tôi không ai tin được rằng việc luyện kim đúc tiền được thực hiện ngay tại moong khai thác cho đến khi thấy các thỏi dẹt hợp kim bạc nằm trên tro đất kết cứng và nhiều đồng bạc bị ăn mòn mép hay đã vỡ vụn nằm rải rác trên đó, ngay trên nền đá. Người ta không tìm thấy khuôn dập nơi các hố thám sát..." (sách đã dẫn).

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh cho rằng niên đại loại tiền này vào thế kỷ IV,⁽⁵⁾ nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Phương định niên đại ngay sau thế kỷ I (đã dẫn), và thông tin từ ông đưa ra ở đoạn vừa trích dẫn vô cùng quan trọng vì căn cứ vào đó có thể tin rằng loại tiền đang bàn chính là do dân cư Phù Nam "ấn hành" nếu bổ sung thêm những chứng lý dưới đây:

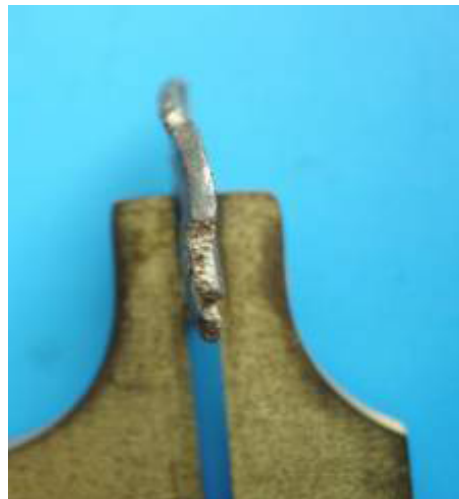
- "...không tìm thấy khuôn dập..." là do *khuôn đúc* được làm bằng đất nên đã bị hủy vì thời gian, dự đoán này có lý vì như đã nói - bề mặt loại tiền này thô nháp, không mịn.

- Trong bài sắp tới xin giới thiệu một loại khuôn *bằng đá* liên quan đến hơn chục vật chứng bằng vàng, bạc (có bề mặt rất mịn) được tạo thành khi người xưa áp dụng thủ pháp *cháy nối* hai vật thể với nhau để hoàn thành sản phẩm giống như công đoạn làm ra tiền kể trên. Những cổ vật này đều do thương buôn là cư dân các tỉnh Tiền Giang, An Giang mang bán tại TP Hồ Chí Minh những năm 1996 đến 1999.

- Sử Trung Quốc như *Nam Tê thư*, *Lương thư*... đều nói xứ Phù Nam nhiều vàng bạc, dân cư nộp thuế bằng vàng bạc thì trong bảng thống kê nói ở đầu bài đã có vài mảnh mệnh giá "2 tiền" có trợn lẫn cả *vàng sa khoáng* (Ảnh 6) là bằng chứng đo lường sự xác thực của sử liệu trên.

- Không có khả năng loại tiền này được đúc tại Ấn Độ bởi không lẽ một đất nước với Hindu giáo là tôn giáo trực lại tự hủy hoại (cắt lẽ) biểu tượng đền thờ Ấn giáo linh thiêng của mình?

- Loại tiền Phù Nam này không có minh văn, chỉ có hoa văn trang trí, trong khi đó từ trước Công nguyên cho đến cả những năm đầu Công nguyên thì tiền bằng bạc của Ấn Độ làm ra thường có minh văn. Wayne G. Sayles, nhà sưu tập tiền cổ người Mỹ, tác giả bộ sách 7 cuốn, xuất bản tại Hoa Kỳ từ 1997 đến 2003 đã giới thiệu hàng ngàn đồng tiền cổ trước và sau công nguyên, trong đó nói kỹ về tiền Ấn Độ. Tuy rằng đôi khi ông tỏ ra tự tin thái quá: "...Các sử gia, như lẽ thường nhiều lúc phải mang ơn các nhà sưu tập tiền trong việc xác định thế thứ các đời vua...",



Ảnh 6: Một mảnh tiền Phù Nam bằng hợp kim bạc có vàng sa khoáng

nhưng kinh nghiệm của ông rất cần tham khảo: “...*Vị vua đầu tiên của dòng họ Kshaharata là Bhumaka, người phát hành một số tiền song ngữ (tiếng Brahmi và Kharosthi) và không có chân dung. Người kế ngôi - Nahapana, sử dụng ngày tháng của thời kỳ trước đó, có lẽ là thời Gondopharan, vì thế kết thúc của vương triều này được cho là vào năm 77 sau công nguyên. Việc này tuy được nhiều học giả chấp nhận nhưng đã tạo ra sự lúng túng so với hệ thống niên biểu được dùng đến trước đó. Đồng Dranchm bằng bạc của triều đại Nahapana dùng chữ Hellnist và chân dung theo phong cách Ấn Hy... Dòng họ Karddamaka (bắt đầu từ năm 78 đánh dấu bởi sự lên ngôi của Chashtana) phát hành các đồng tiền bằng bạc... Bạc là loại tiền phổ biến nhất... Các nhân vật có nguồn gốc trong thần thoại Hy-La đôi khi xuất hiện trên các mặt đồng tiền. Mặt kia thường có các hoa văn đôi ba Ngọn với hình trăng lưỡi liềm phía trên, hoặc ngôi sao kế bên vành trăng lưỡi liềm. Những dòng chữ bằng tiếng Brahmi cho ta những thông tin về mặt giá phá và cả tên của những vua trị vì. Triều Rudrasena I, ngày tháng được hiển thị bằng chữ số...”⁽⁶⁾*

3. Ý nghĩa

Từ những điều đã kể trên, có thể khẳng định cư dân Phù Nam đã tự mình làm ra ít nhất một loại tiền và đồng bằng Cửu Long đã từng có ít nhất một lò đúc loại tiền này. Do đó trong khi chưa chứng minh được rằng đồng bằng Cửu Long là nơi độc quyền chế tạo, các nhà khảo cổ học Việt Nam đặt cho chúng cái tên “*tiền Phù Nam*” là hoàn toàn đúng. Từ niên đại loại tiền này (đã nói ở trên) bất giác nhận ra rằng mới chỉ 3-400 năm, sau bước đột phá của người La Mã lần đầu tiên dùng bạc đúc tiền, cư dân vùng đất này đã sử dụng nguyên liệu tại chỗ - rồi với trình độ cao trong kỹ nghệ luyện kim đã chế ra tiền hợp kim bạc ở vào giai đoạn đầu của lịch sử tiền tệ thế giới. Đánh giá về hình thái kinh tế thì việc lưu hành loại tiền Phù Nam đã chứng tỏ sự phát triển mậu dịch thời kỳ này. Đo lường về hình thái xã hội có thể thấy sự thuần phác của dân cư. Bởi vì (vàng) bạc dùng để nộp thuế, ấy thế mà khi cất lẻ tiền, họ cốt chỉ thể hiện được đúng mệnh giá, to nhỏ nặng nhẹ đều có thể “trao đổi ngang giá” như nhau. Như vậy rõ ràng *giá trị tín dụng* của loại tiền này ở vào thời kỳ được lưu hành là rất cao bởi nó được cư dân và thương buôn trong và ngoài lãnh thổ tin dùng (tín dụng = tin dùng).

Nhưng đặc biệt hơn cả là vấn đề: Ở mọi thời đại, mọi vùng lãnh thổ, việc chế tác ra tiền để tránh khỏi mất giá thì số lượng tiền phát hành nhiều ít đều phải căn cứ vào tổng sản lượng các sản phẩm trong xã hội. Nói cách khác - theo từ ngữ đương đại - là phải biết thực hiện “*công tác quản lý tiền tệ*”. Người Phù Nam xưa tự đúc ra tiền, đồng nghĩa với việc quốc gia của họ có tổ chức chặt chẽ và chắc chắn rằng khi đó trong bộ máy công quyền đã hình thành một bộ phận chuyên môn - nay gọi là Ngân hàng Nhà nước - trong đó hẳn phải chú trọng đến “*công tác tài chính - kế toán*”, dù là sơ khai.

Trong bài viết kỳ trước (tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 4(69).2008, trang 94) có đưa ra vấn đề về ý nghĩa biểu tượng của các con số. John Renard cho biết người Ấn theo Hindu giáo thì “...*nhều con số vẫn giữ các biểu tượng truyền thống. Số 1 nhắc nhở tính duy nhất thân thánh, số 2 kết hợp với mặt trăng và mọi đặc tính kép trong đời thường con người. Số 4 là số của kinh Vệ đà, 10 là hiện thể chính của Vishnu...*”⁽⁷⁾. Đức tin có tính giáo điều ấy thực ra chẳng liên quan gì đến quy trình cắt lẻ tiền của cư dân Phù Nam xưa. Nói cách khác, Ấn giáo du nhập vào xứ sở này khiến cho đồng tiền Phù Nam có hoa văn đền thờ tôn giáo ấy, nhưng mệnh giá của tiền mang các giá trị 1, 2, 4 (và 8) chẳng qua do tính “thực dụng” của cư dân mà thôi, vì họ biết rằng chia (đường tròn, hình tròn) làm hai phần bằng nhau thì dễ thực hiện nhất. Chỉ cần 3 thao tác cắt đôi đã tạo được những đồng tiền có mệnh giá khác nhau. Loại mệnh giá nhỏ nhất là 1, lớn nhất là 8 độ đao này thì phải hơn 60 năm kể từ khi gặp chúng, nay ta mới sững sờ nhận ra rằng: Thì ra gần 20 thế kỷ trước, cư dân Phù Nam đã làm bài toán về cấp số nhân với số hạng đầu là 1, công bội là 2, cho ra dãy số 1, 2, 4, 8 và đây cũng là bài toán cấp số nhân đơn giản nhất của môn số học. Sức sáng tạo mang tính bản địa tìm thấy khi khảo sát loại tiền Phù Nam liệu có phải từ những nội dung nêu trên?

Tháng 10/2008

P H T B

(Kỳ sau: Một vài loại tiền cổ khác)

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Thừa Hỷ. *Nền văn hóa 5.000 năm của Ấn Độ*, trong *Almanach những nền văn minh thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin, 1996, tr.670-679.
- (2) X.I.Venetxki (Lê Mạnh Chiến dịch). *Kể chuyện về kim loại*, Nxb Mir Maxcova liên kết Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, Maxcova, 1989, tr.173.
- (3) Hoàng Xuân Phương. “Đất Phù Nam”, tạp chí *Kiến thức ngày nay* số 551, 2008, tr.10-11.
- (4) John Renard. *Tri thức tôn giáo qua các vấn nạn và giải đáp*, Nxb Tôn giáo, 2005, tr.304-305.
- (5) *Cổ vật tiêu biểu tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Sở Văn hóa và Thông tin TP Hồ Chí Minh, 2005, tr.145.
- (6) Wayne G.Sayles. *Ancient Coin Collecting VI*, Printed in United State of America, 1999, Page 92-94.
- (7) John Renard, Sdd, tr. 304-305.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Xuân Diệm, Võ Sĩ Khải, Đào Linh Côn. *Văn hóa Óc Eo, những khám phá mới*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995.
2. Lương Ninh. *Vương quốc Phù Nam - lịch sử và văn hóa*. Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa-Thông tin, 2005.
3. Lê Hương. *Sử liệu Phù Nam*, Sài Gòn, 1974.
4. Michaek Kampen O'Riley. *Những nền mỹ thuật ngoài phương Tây*, Nxb Mỹ thuật, 2005.
5. Louis Malleret. *La Culture du Fou-Nan-L'archéologie du Delta du Mékong*. École Française d'Extrême Orient, Paris 1962.
6. *Văn hóa Óc Eo & vương quốc Phù Nam*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo. Nxb Thế giới, 2008.

TÓM TẮT

Năm 1944 L. Malleret khai quật ở đồng bằng Cửu Long và thu thập được một số đồng tiền hợp kim bạc. Sau năm 1975 các nhà khảo cổ học Việt Nam cũng nhắc đến chúng và giải thích loại tiền này vốn dĩ được cắt thành 1/2, 1/4, 1/8 để làm tiền lẻ, đồng thời cho biết vào năm 1990 ở Thái Lan và Myanmar cũng thu thập được 8 đồng nguyên vẹn.

Bản thân tác giả và hai nhà sưu tập tiền cổ ở TP Hồ Chí Minh đã sưu tập được 11 đồng tiền nguyên vẹn cùng loại, 13 mảnh tiền 1/2, 12 mảnh tiền 1/4 và 18 mảnh tiền 1/8 (trong đó có một số mảnh tiền có vàng sa khoáng). Qua đó, tác giả chứng minh rằng hoa văn ở mặt sau loại tiền này biểu thị ngôi đền thờ Hindu giáo, cư dân Phù Nam cắt sẵn loại tiền này để các mảnh và đồng tiền nguyên vẹn có mệnh giá mang các số 1, 2, 4, 8, đồng thời nêu lên một số lý lẽ chứng minh loại tiền này được đúc tại Phù Nam vào những thế kỷ đầu Công nguyên. Ngoài ra tác giả cũng đưa ra một số nhận xét về hình thái kinh tế xã hội và thiết chế tổ chức chính quyền của Phù Nam thời kỳ nói trên qua việc sản xuất và lưu hành loại tiền này.

ABSTRACT**OLD COINS DISCOVERED IN MEKONG DELTA****ARTICLE 4: A KIND OF “FUNAN CURRENCY” AND ITS VALUE**

In 1944, L. Malleret excavated an archilological site in the Mekong Delta and succeeded to gather some coins made of an alloy of silver. After 1975, archiologists, still interested in these coins, gave further explanations that this kind of coins could be broken into smaller pieces, a half, a fourth or an eighth of the original size to be used as small change, and that in Thailand and Myanmar eight complete coins of this kind were found in 1990.

The author himself and two others coin collectors in Hồ Chí Minh City have got to gather 11 complete pieces of the same kind, thirteen half pieces, 12 one-fourth pieces and eighteen one-eighth pieces (of which several have gold mineral sand in their composition). Also he argues that the design found on the back of this coin represents the Hinduist kalan and the people of Phù Nam Kingdom had a number of the coins split so as to have, together with the complete pieces, a system of coins.